

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS - PT

Ngày 03 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Vương

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Minh N, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Minh N (tên gọi khác Nguyễn Thị N), sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Tây cũ; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị K; chồng Nguyễn Công H, có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/10/2023 theo Quyết định truy nã số 06 ngày 27/11/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T, bị cáo được trích xuất, có mặt.

- Bị hại: + Ông Lê Xuân S, sinh năm 1955

Nơi cư trú: khối E, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Đình S1, sinh năm 1964

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

+ Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

+ Anh Đàm Văn Q, sinh năm 1983

Nơi cư trú: xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt).

+ Chị Đào Thị H2, sinh năm 1973

Nơi cư trú: tổ dân phố số F, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Minh N làm kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2 (viết tắt là công ty), địa chỉ xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, giám đốc là anh Đào Văn T. Năm 2018 bị cáo được bổ nhiệm làm giám đốc trung tâm Đ3 (viết tắt là trung tâm) trực thuộc công ty. Mặc dù trung tâm không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động nước ngoài và làm visa cho người đi du học ở nước ngoài nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của người khác nên khoảng giữa tháng 02 năm 2019, N đăng bài trên mạng xã hội thông tin tuyển cộng tác viên giới thiệu người nộp hồ sơ để bị cáo làm visa. Anh Vũ Văn N1 liên hệ với bị cáo xin làm, hai bên thỏa thuận anh N1 giới thiệu được một người bị cáo trả 10.000.000 đồng.

Khoảng tháng 3/2019, anh N1 dẫn ông Trịnh Văn H1 đến trung tâm để nhờ bị cáo làm visa cho ông đi xuất khẩu lao động tại Australia. Ngày 23/3/2019 ông H1 giao cho bị cáo 46.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền và viết vào “ phiếu thu” với nội dung “ đặt cọc 46 triệu tiền xử lý hồ sơ đi du lịch Úc, nếu trong vòng 3-4 tháng không xử lý được thì trả lại số tiền cọc” và viết “ Biên bản thỏa thuận” có chữ ký Giám đốc Đào Văn T, có đóng dấu công ty rồi đưa cho ông Hoàng giữ.

Ngày 03/4/2019, được ông Trịnh Văn H1 giới thiệu, ông Nguyễn Đình S1 (em họ ông H1) đến trung tâm nhờ N làm visa cho ông xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, bị cáo nói mức phí 9.000 USD, ông S1 đặt cọc cho N 10.000.000 đồng. Bị cáo nhận tiền và viết phiếu thu có nội dung “ xử lý hồ sơ xin Visa mutip Hàn 5 năm”.

Cuối tháng 5/2019 tại nhà chị H3 ở thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, bị cáo giới thiệu với mọi người, trung tâm do bị cáo làm giám đốc có chức năng làm hồ sơ cho người đi xuất khẩu lao động, mức phí từ 10.000 USD đến 20.000 USD tùy theo từng nước, thời gian hoàn tất thủ tục 3- 6 tháng. Ngày 18/4/2019 ông Lê Xuân S, chị H3, anh Đàm Văn Q ra trung tâm gặp bị cáo. Tại đây ông S giao cho bị cáo 2.000 USD (trị giá 45.976.000 đồng) để làm thủ tục cho con trai ông S là anh Lê Văn Đ đi xuất khẩu tại Canada, bị cáo nhận tiền và viết giấy biên nhận giao cho ông S; anh Q giao cho bị cáo 23.000.000 đồng làm thủ tục cho anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, N viết phiếu thu giao cho anh Q và hẹn 3-6 tháng sau sẽ hoàn tất thủ tục cho ông S, anh Q.

Khoảng tháng 4/2019 anh Nguyễn Duy L nhờ ông Lê Xuân S làm thủ tục cho anh L đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan, ông S liên hệ với bị cáo, sau đó nhờ chị Nguyễn Thị H4 chuyển 23.000.000 đồng qua tài khoản cho N để làm visa cho anh L. Ngày 01/7/2019 ông S tiếp tục nhờ chị H4 chuyển 23.000.000 đồng qua tài khoản cho N để làm visa cho anh Lê Đình Đ1 đi lao động tại Hàn Quốc. Do không thấy N làm vi sa cho mọi người nên ông S đã trả cho anh L, anh Đ1 mỗi người 23.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 8/2019 thông qua ông S, chị Đào Thị H2 liên hệ với bị cáo để làm thủ tục cho chồng chị là anh Nguyễn Sỹ H5 đi lao động tại Hàn Quốc. Ngày 16/9/2019 tại quán nước trong bến xe nước ngầm thuộc phường H, Quận H, thành phố Hà Nội, chị H2 giao cho bị cáo 1.000.000 USD (trị giá 23.120.000 đồng), N nhận tiền rồi viết phiếu thu và một tờ giấy đưa chị H2 giữ, có nội dung: “tôi là Nguyễn Minh N tiếp nhận hồ sơ của anh Nguyễn Sỹ H5, C- Hà Tĩnh đi đơn nông nghiệp thu hoạch trồng nấm trong nhà kính”. Toàn bộ số tiền nhận của bị hại, N chi tiêu cá nhân hết.

Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 05/4/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Về tội danh: Tuyên bố:bị cáo Nguyễn Thị Minh N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về Hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh N 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác về dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/4/2024 bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo nộp bổ sung biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm đề ngày 02/7/2024, thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo.

Bị hại ông Nguyễn Đình S1 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại ông Trịnh Văn H1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Minh N, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình, xã hội, phấn đấu trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Minh N làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở kết luận: bị cáo và trung tâm do bị cáo làm giám đốc không có chức năng làm visa cho người lao động đi xuất khẩu ở nước ngoài, nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân nên từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019 bằng thủ đoạn gian dối, N đã nói với các bị hại là mình làm được visa cho người lao động sang các nước Hàn Quốc, Australia, Canada, Ba Lan... để chiếm đoạt của: ông Trần Văn H6

46.000.000 đồng, ông Nguyễn Đình S1 10.000.000 đồng, anh Đàm Văn Q 23.000.000 đồng, ông Lê Xuân S 91.976.000 đồng, chị Đào Thị H2 23.120.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 194.096.000 đồng. Do vậy Toà án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Nguyễn Thị Minh N bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết mới thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra thấy Tòa án sơ thẩm xử phạt Nguyệt mức án 05 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do vậy áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản bản án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Minh N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 05/4/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, giảm hình phạt tù cho bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh N (tên gọi khác Nguyễn Thị N) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt

tạm giam 27/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 03 tháng 7 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h. TP Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

